

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:21/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/02/2019

Giữa: Nguyên đơn: Chị Phạm Việt M ; Sinh năm: 1996

Trú tại: Khu Phố Hải Vượng, phường Quảng tiến, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

và Bị đơn: Anh Lê Văn T; Sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn 2, xã Xuân Phong, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá.

Căn cứ vào Điều 212;Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 55;81;82;83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/02/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/02/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có sự đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Việt M và anh Lê Văn T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân : Chị Phạm Việt M và anh Lê Văn T đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

- Về con chung : Vợ chồng có một con chung, cháu là Lê Quốc C, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2017. Hiện nay con chung đang ở với chị M. Hai bên thống nhất thỏa thuận chị Phạm Việt M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Quốc C. Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Kể từ tháng 03/2019 cho đến khi cháu Cường đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận chị Phạm Việt M chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001317 ngày 12/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Phạm Việt M được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Lê Văn Tuấn phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ .

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Xuân Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LÊ ĐĂNG TUẤN